

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HSST

Ngày: 10/5/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:

Bà Đỗ Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Thúy Hằng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

- *Thư ký phiên toà:* ông Hoàng Minh Anh – Thư ký Toà án nhân dân Huyện A, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện A, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Khả Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện A, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 45/2018/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn C** - Sinh năm 1964. HKTT: Đội 5, Thôn B, Xã C, Huyện A, Thành phố Hà Nội. Nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch MTTQ xã C. Văn hóa: 10/10. Quốc tịch: Việt Nam. Dân Tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông: Lê Huy Đ (Đã chết) và bà: Lê Thị T. Vợ: Lê Thị H, có 02 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1991. Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng số 90-QĐ/UBKTHU ngày 29/9/2017). Tiền án, tiền sự: Không. Bắt tạm giam từ ngày 26/9/2017. Danh, chỉ bản số 413 ngày 20/9/2017 của Công an Huyện A.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1981 và vợ là Chu Thị C, sinh năm 1975.

Trú tại: Số 18 đường Kim Quy, Đội 7, Thôn B, Xã C, Huyện A, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Ông Lê Văn L, sinh năm 1973.

Trú tại: Đội 4, Thôn B, Xã C, Huyện A, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Ông Lê Văn C (tức Lê Xuân C), sinh năm 1959.

Trú tại: Đội 7, Thôn B, Xã C, Huyện A, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

4. Ông Hà Văn L, sinh năm 1970.

Trú tại: Đội 5, Thôn B, Xã C, Huyện A, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

5. Ông Lê Văn T (tức T), sinh năm 1969.

Trú tại: Đội 5, Thôn B, Xã C, Huyện A, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người làm chứng có mặt tại phiên tòa:*

1. Ông Lê Văn N, sinh năm 1971. Trú tại: Đội 4, Thôn B, Xã C, Huyện A, Thành phố Hà Nội.

2. Ông Lê Hồng Minh, sinh năm 1959. Trú tại: Đội 4, Thôn B, Xã C, Huyện A, Thành phố Hà Nội.

3. Ông Lê Văn L (tức T), sinh năm 1961. Trú tại: Đội 5, Thôn B, Xã C, Huyện A, Thành phố Hà Nội.

4. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1956. Trú tại: Đội 6, Thôn B, Xã C, Huyện A, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn C giữ chức vụ trưởng thôn B, xã C từ tháng 12/2004 đến năm 2015, trong thời gian giữ chức vụ trưởng thôn Lê Văn C đã 03 lần bán trái thẩm quyền 03 thửa đất nương đường (đất phi nông nghiệp) tổng diện tích 224m² (hợp thức việc bán đất bằng biên bản giao thầu đất kết không ghi thời hạn sử dụng) thu 420.000.000 đồng, sử dụng vào xây dựng đường dân sinh trong thôn. Ngoài ra còn chủ trì tổ chức họp thôn đưa ra chủ trương giao 1774,4m² đất sân bóng cũ để đổi trừ tiền làm đường dân sinh trong thôn, cụ thể đối với hành vi bán trái phép 03 thửa đất nương đường như sau:

- *Lần thứ 1:* Ngày 20/12/2005, ông Hà Văn L (Sinh năm 1970, HKTT: Thôn B, xã C, Huyện A, Hà Nội) có đơn xin giao thầu đất kết với diện tích 50m² và tự nguyện nộp 100.000.000 đồng cho thôn B. Ngày 31/12/2005, ông L nộp 100.000.000 đồng cho Ban lãnh đạo thôn (phiếu thu số 11), sau khi thu tiền Ban Lãnh đạo thôn B đứng đầu là Lê Văn C- Trưởng thôn và các ông: Trần Văn B- Phó thôn, Lê Tuấn A- Phó thôn, Lê Văn N- Bí thư chi bộ 4, Lê Xuân K- Bí thư chi bộ 7, Lê Hồng Mi- Đội trưởng đội 4, Lê Văn L- Đội trưởng đội 5, Phạm Văn Đ- Đội trưởng đội 6 ký giao cho ông Hà Văn L 50m² đất nương đường (đất tập thể) để ông L sử dụng làm đất ở nhưng biến tướng bằng biên bản giao thầu đất kết, hiện nay ông L đã xây dựng căn nhà 03 tầng để ở.

- *Lần thứ 2:* Ngày 25/01/2006, ông Lê Văn C (Sinh năm 1959, HKTT: Đội 7, Thôn B, xã C, huyện A, Hà Nội) có đơn xin giao thầu đất kết với diện tích 92m² và tự nguyện nộp 220.000.000 đồng cho thôn B. Ngày 28/01/2006, Lê Văn C- Trưởng thôn ký biên bản bán 92m² đất nương đường (đất tập thể) cho ông C sử dụng làm đất ở nhưng biến tướng bằng biên bản giao thầu đất kết thu 220.000.000 đồng. Do ông C đã đầu tư xây dựng nương và cống thoát nước của thôn hết 110.000.000 đồng nên ngày 04/3/2006, Chỉ đạo ông Trần Văn B- Phó thôn viết phiếu thu và thu số tiền còn lại là 110.000.000 đồng của ông C, hiện trạng đất ông C xây dựng căn nhà cấp 4 cho thuê.

- *Lần thứ 3:* Ngày 30/6/2006, ông Lê Văn L (Sinh năm 1973, HKTT: Đội 4, Thôn B, xã C, huyện A, Hà Nội) có đơn xin giao thầu đất kết với diện tích 82m² và tự nguyện nộp 210.000.000 đồng cho thôn B. Ngày 30/12/2006, ông L nộp 210.000.000 đồng cho Ban lãnh đạo thôn và được ông Lê Văn C- Trưởng thôn giao cho 82m² đất nương đường (đất tập thể) để ông L sử dụng làm đất ở nhưng biến

tướng bằng biên bản giao thầu đất kết.

Ngày 30/12/2007, ông Lê Văn L chuyển nhượng lại 50m² cho ông Lê Văn T với giá 200.000.000 đồng. Ông T đã xây dựng căn nhà 03 tầng sử dụng. Đối với diện tích còn lại 32m², năm 2007 ông L xây nhà 02 tầng để ở. Ngày 11/11/2011, ông L chuyển nhượng diện tích đất này và nhà cho ông vợ chồng ông Nguyễn Thành C với giá 350.000.000 đồng. Hiện trạng vợ chồng ông C đang ăn ở tại diện tích đất trên.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ được một số giấy tờ, tài liệu liên quan gồm:

* Tài liệu do ông Hà Văn L cung cấp gồm:

- 01 phiếu thu số 11 ngày 31/12/2005 thể hiện Hà Văn L nộp 100.000.000đ cho BLĐ thôn B.

- 01 đơn xin giao thầu đất kết ngày 20/12/2005 của Hà Văn L.

- 01 Biên bản giao thầu đất kết năm 2005 (không ghi ngày tháng) thể hiện BLĐ thôn B giao 50m² thu 100.000.000đ của Hà Văn L.

* Tài liệu do ông Lê Văn T cung cấp gồm:

- 01 đơn xin đấu thầu đất ghi ngày 10/1/2007 mang tên Lê Văn L.

- 01 phiếu thu số 14 ngày 30/12/2006 thể hiện Lê Văn L nộp 210.000.000đ cho BLĐ thôn B.

- 01 đơn xin giao thầu đất kết ngày 30/6/2006 mang tên Lê Văn L.

- 01 Biên bản giao thầu đất kết ghi ngày 30/12/2006 thể hiện BLĐ thôn B thu 210.000.000đ giao 82m² cho Lê Văn L.

- 01 giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/12/2007 giữa Lê Văn L cho Lê Văn T.

* Tài liệu do ông Nguyễn Thành C cung cấp gồm:

- 01 giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/11/2011 giữa Lê Văn L cho Nguyễn Thành C.

* Tài liệu do ông Lê Văn C cung cấp gồm:

- 01 phiếu thu số 13 ngày 04/3/2006 thể hiện Lê Văn C nộp 110.000.000đ cho BLĐ thôn B.

- 01 đơn xin giao thầu đất kết ngày 25/01/2006 mang tên Lê Văn C.

- 01 Biên bản giao thầu đất kết ghi ngày 28/01/2006 thể hiện BLĐ thôn B thu 220.000.000đ giao 92m² cho Lê Văn C.

* Tài liệu do bị can Lê Văn C cung cấp gồm:

- 01 phiếu chi số 15 ngày 31/12/2005 thể hiện BLĐ thôn B chi 100.000.000 đ cho anh Hà Văn Đ tiền làm đường bê tông.

- 01 phiếu chi số 17 ngày 31/12/2006 thể hiện BLĐ thôn B chi 210.000.000 đ cho anh Hà Văn n Văn B cung cấp gồm:

- 01 phiếu thu số 11 ngày 31/12/2005 thể hiện Hà Văn L nộp 100.000.000đ cho BLĐ thôn B.

- 01 phiếu thu số 13 ngày 04/3/2006 thể hiện Lê Văn C nộp 110.000.000đ cho BLĐ thôn B.

- 01 phiếu thu số 14 ngày 30/12/2006 thể hiện Lê Văn L nộp 210.000.000đ cho BLĐ thôn B.

- 01 phiếu chi số 15 ngày 31/12/2005 thể hiện BLĐ thôn B chi 100.000.000 đ cho anh Hà Văn Đ tiền làm đường bê tông.

- 01 phiếu chi số 16 ngày 04/3/2006 thể hiện BLĐ thôn B chi 110.000.000đ

cho anh Hà Văn Đ tiền làm đường bê tông.

- 01 phiếu chi số 17 ngày 31/12/2006 thể hiện BLD thôn B chi 210.000.000 đ cho anh Hà Văn Đạo tiền làm đường bê tông.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét chỗ ở, chỗ làm việc của bị can C thu giữ tài liệu gồm:

- 01 (một) Sổ nghị quyết thôn B từ ngày 25/06/2004 đến ngày 10/09/2006.

- 01 (một) Sổ tay của bị can Lê Văn C ghi chép từ ngày 28/02/2006 đến ngày 21/04/2009.

- 01 (một) Sổ cá nhân của bị can Lê Văn C ghi chép từ ngày 28/07/2005 đến ngày 17/01/2006.

- 01 (một) Sổ tay của bị can Lê Văn C ghi chép từ ngày 25/01/2003 đến ngày 12/09/2005.

- 01 (một) Biên bản họp ban mặt trận thôn B, Hiệp thương giới thiệu chức danh phó thôn B nhiệm kỳ 2004-2007 ngày 7/12/2007.

- 01 (một) Biên bản bàn giao tài sản giữa bên bàn giao: Lê Văn C và bên nhận bàn giao: Ban lãnh đạo thôn nhiệm kỳ 2014-2016 ngày 24/09/2015.

- 01 (một) Sơ yếu lý lịch cán bộ của bị can Lê Văn C đề ngày 18/05/2015.

Kết quả khám nghiệm hiện trường các thửa đất xác định:

- Hiện trường thửa đất số 111, tờ bản đồ số 7 thôn B, xã C là đất nương đường thôn B có diện tích 67,6 m² (đất Chấn bán cho ông Hà Văn L), hiện trạng đất được ông Hà Văn L xây nhà 03 tầng kiên cố để ở.

- Hiện trường thửa đất số 8 và thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 thôn B, xã C là đất nương và bờ nương tập thể, diện tích 83,6 m² (đất Chấn bán cho ông Lê Văn L), hiện trạng đất được tách làm 02 thửa riêng biệt, 01 thửa diện tích 54,8m² do ông Lê Văn T xây nhà 03 tầng kiên cố để ở, diện tích còn lại diện tích 28,8m² do ông Nguyễn Thành C xây nhà 02 tầng để ở.

- Hiện trường thửa đất số 8 và thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 thôn B, xã C là đất nương và bờ nương tập thể, diện tích 107,5 m² (đất C bán cho ông Lê Văn C), hiện trạng đất hộ ông Lê Văn C đã xây nhà cấp 4 (ki ốt) cho thuê.

Ngày 04/8/2017 và ngày 24/10/2017 cơ quan CSĐT- Công an Huyện A ra quyết định số 453 trưng cầu định giá tài sản các thửa đất và các tài sản trên đất đối với các thửa đất đã bán cho ông Hà Văn L, Lê Văn L và Lê Văn C. Hội đồng định giá tài sản Huyện A kết luận:

+ Thửa đất số 8 và số 28, tờ bản đồ số 14 thôn B, xã C (đất Chấn bán cho ông Lê Văn L) diện tích 83,6m² thời điểm năm 2017 trị giá 3.375.000đ/1m², thành tiền là 282.150.000 đồng. Nhà 03 tầng bê tông cốt thép kiên cố, diện tích tầng 01 là 54,8m² xây dựng năm 2008 trên thửa đất số 8 và thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 (nằm trên diện tích đất C bán cho ông L, sau đó ông L bán cho ông T) thời điểm năm 2017 trị giá 799.768.516 đồng. Nhà 02 tầng bê tông cốt thép kiên cố, diện tích tầng 01 là 28,8m² xây dựng năm 2007 trên thửa đất số 8 và thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 (nằm trên diện tích đất Chấn bán cho ông L, sau đó ông L bán cho ông Nguyễn Thành C) thời điểm năm 2017 trị giá 273.376.454 đồng. Không đủ căn cứ để định giá thửa đất và tài sản trên đất vào thời điểm năm 2005.

+ Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 7 thôn B, xã C (đất Chấn bán cho ông Hà Văn L), diện tích 67,6m² thời điểm năm 2017 trị giá 3.375.000 đồng/1m² thành tiền là 228.150.000 đồng. Nhà 03 tầng bê tông cốt thép kiên cố, diện tích xây dựng tầng 01 là 56,3m² được xây dựng trên thửa đất số 111 tờ bản đồ số 7 diện tích

67,6m² (nằm trên diện tích đất Chẩn bán cho ông Hà Văn L), thời điểm năm 2017 trị giá 761.538.515 đồng. Không đủ căn cứ để định giá thửa đất và tài sản trên đất vào thời điểm năm 2005.

+ Thửa đất số 8 và thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 (đất Chẩn bán cho ông Lê Văn C), diện tích 107,5m², thời điểm năm 2017 trị giá 3.375.000 đồng/1m² thành tiền là 362.812.500 đồng. Nhà cấp 4 diện tích 107,5m² xây dựng năm 2012 trên thửa đất số 8 và thửa đất số 28, tờ bản đồ số 14 (nằm trên diện tích đất Chẩn bán cho ông Cãi) thời điểm năm 2017 trị giá 194.618.000 đồng. Không đủ căn cứ để định giá thửa đất và tài sản trên đất vào thời điểm năm 2005.

Tổng cộng 03 thửa đất và toàn bộ tài sản trên đất theo quyết định trưng cầu định giá tài sản số 602 của cơ quan điều tra trị giá là 2.564.554.585 đồng.

* Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C xác định:

Đối với diện tích đất nương đường ban lãnh đạo thôn B giao, bán cho các ông Hà Văn L, Lê Văn L và Lê Văn C là đất phi nông nghiệp, đất tập thể do Ủy ban nhân dân xã C quản lý. Tuy nhiên khi ông L, ông L, ông T và ông C xây nhà Ủy ban nhân dân xã C giai đoạn đó chưa xử lý gì. Đến tháng 8/2017 mới lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 14/8/2017, cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định số 441/QĐ-CSĐT(KT) trưng cầu Viện khoa học hình sự- Bộ Công an giám định chữ ký, chữ viết của Lê Văn C trên các tài liệu tạm giữ. Ngày 26/9/2017, Viện Khoa học hình sự- Bộ Công an có kết luận giám định số 4138/C54-P5 kết luận:

- Chữ viết, chữ ký đứng tên Lê Văn C dưới các mục: “Xác nhận của BCH Thôn” trên Đơn xin giao thầu đất kết mang tên ông Lê Văn L, sinh ngày 8/5/1973 quê quán: thôn B, xã C, huyện A, Hà Nội ghi ngày 30/6/2006; “Xác nhận BCH Thôn B” trên Đơn xin đấu thầu đất mang tên ông Lê Văn L quê quán: thôn B, xã C, huyện A, Hà Nội ghi ngày 10/1/07; “Thủ trưởng đơn vị” trên Phiếu thu số 14 ngày 30/12/2006, người nộp tiền ông Lê Văn L địa chỉ: Đội 4, số tiền 210.000.000 đồng; “Xác nhận của BCH Thôn” trên Đơn xin giao thầu đất kết mang tên ông Hà Văn L, nơi ở: Đội 5, thôn B, xã C, huyện A, Hà Nội ghi ngày 20/12/2005; “Trưởng Thôn” trên Biên bản họp ban chỉ huy thôn B ngày 07/10/2006; “Thủ trưởng đơn vị” trên Phiếu chi số 15 ngày 31/12/2005 thể hiện ban lãnh đạo thôn B chi tiền cho anh Hà Văn Đ địa chỉ: Đội 5 số tiền 100.000.000 đồng, lý do chi: chi ứng cho anh Đ tiền làm đường bê tông.

So với chữ viết, chữ ký của Lê Văn C trên bản tường trình, kiểm điểm tại cơ quan điều tra do cùng một người viết, ký ra.

- Chữ ký đứng tên Lê Văn C trên các tài liệu gồm: Biên bản giao thầu đất kết ghi ngày 30/12/2006, thể hiện giao cho ông Lê Văn L, HKTT: thôn B, xã C, huyện A, Hà Nội diện tích đất 82 m²; Biên bản giao thầu đất kết (chưa điền ngày tháng) năm 2005, thể hiện giao cho ông Hà Văn L, HKTT: thôn B, xã C, huyện A, Hà Nội diện tích đất 50 m²; Biên bản họp BCH thôn B họp ngày 2/5/2004; Biên bản họp hội nghị thôn B ngày 12/4/2005; Chữ ký dưới mục “Thủ trưởng đơn vị” trên Phiếu thu số 11 ngày 31/12/2005, người nộp tiền ông Hà Văn L địa chỉ: Đội 5, số tiền 100.000.000 đồng và Phiếu chi số 17 ngày 31/12/2006 thể hiện ban lãnh đạo thôn B chi tiền cho anh Hà Văn Đ địa chỉ: Đội 5 số tiền 210.000.000 đồng, lý do chi: chi ứng cho anh Đ tiền làm đường bê tông khu vực tuyến đường tây cao tốc.

So với chữ ký của Lê Văn C trên bản tường trình, kiểm điểm tại cơ quan điều tra do cùng một người ký ra.

Tại cơ quan điều tra Lê Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra C khai việc bán 03 thửa đất cho các ông Hà Văn L, Lê Văn C và Lê Văn L là Lê Văn C thực hiện theo chỉ đạo của ông Trần Đức T (Trưởng thôn cũ) để thu tiền trả tiền làm đường dân sinh. Sau khi bán được đất, thu được tiền C đã báo cáo bằng miệng cho ông T biết và trả hết tiền thu được từ bán đất cho ông Hà Văn Đ. Mục đích giao, bán đất lấy tiền xây đường bê tông thôn B để phục vụ lợi ích nhân dân trong thôn nhằm tạo uy tín của ban lãnh đạo thôn đối với nhân dân, trong đó có uy tín của cá nhân C. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra ông Trần Đức T không thừa nhận việc chỉ đạo C bán đất cho các hộ dân trong thôn. Xét ngoài lời khai của C không còn tài liệu khác, do đó không đủ cơ sở kết luận ông T đã chỉ đạo C bán đất cho các ông Hà Văn L, Lê Văn C và Lê Văn L.

Ngoài hành vi bán trái phép 03 thửa đất tập thể cho các ông Hà Văn L, Lê Văn L và Lê Văn C, quá trình điều tra cơ quan điều tra còn làm rõ: Trước và trong thời kỳ làm trưởng thôn Lê Văn C cùng một số lãnh đạo trong thôn đã chủ trì tổ chức nhiều cuộc họp thôn đưa ra chủ trương giao cho ông Hà Văn Đ (chủ công trình xây dựng) 1774,4m² đất sân bóng cũ (là đất phi nông nghiệp, đất tập thể do Ủy ban nhân dân xã C quản lý) để đổi trừ tiền làm đường dân sinh trong thôn, cụ thể:

- *Giai đoạn ông Trần Đức T (Sinh năm 1959, HKTT: Thôn B, Xã C, Huyện A, Hà Nội- Trưởng thôn B từ năm 1996 đến tháng 11/2004) chủ trì họp đưa ra chủ trương giao thầu đất sân bóng cũ:*

Ngày 06/02/2003, ông Trần Đức T, Trưởng thôn B chủ trì tổ chức hội nghị họp thôn (thành phần dự họp gồm: Lê Văn C, Phó thôn, Lê Hồng M, Phó thôn và các ông, bà trong ban giám sát thôn B, Cấp ủy, Ban chỉ huy Đội 6 và đại diện xã viên Đội 6) triển khai công tác làm đường dân sinh tại Đội 6, thôn B, xã C, huyện A, Hà Nội.

Ngày 25/02/2003, Ban lãnh đạo thôn B (đại diện là ông Trần Đức Thái, Trưởng thôn) ký hợp đồng với Công ty TNHH thương mại và xây dựng Bắc Thăng Long, địa chỉ: đường Bắc Thăng Long, xã C, huyện A, Hà Nội (đại diện ông Nguyễn Quốc H giám đốc) nâng cấp cải tạo xây dựng đường dân sinh thôn B, thời gian thực hiện hợp đồng 03 năm, khởi công ngày 01/3/2003, hoàn thành ngày 01/3/2006. Công ty TNHH thương mại và xây dựng Bắc Thăng Long giao nhiệm vụ cho ông Hà Văn Đ (Sinh năm 1959, HKTT: Thôn B, Xã C, huyện A, Hà Nội), đội trưởng đội xây dựng của công ty trực tiếp chỉ đạo và thi công công trình tự huy động vốn và thanh quyết toán với thôn B.

Ngày 04/01/2004, tại cuộc họp thôn B gồm: Cấp ủy chi bộ thôn, ban chỉ huy các đội, trưởng phó ban ngành đoàn thể thôn do ông Trần Đức T, Trưởng thôn chủ trì triển khai công tác làm đường dân sinh thôn B, nguồn vốn nhà nước và nhân dân cùng làm, trước mắt nhân dân đóng góp 100.000đ/người. Hội nghị đề nghị cho thầu diện tích đất sân bóng cũ thôn B (biên bản họp chỉ có chữ ký ông Nguyễn Hồng M là thư ký cuộc họp và ông Trần Đức T chủ trì cuộc họp).

Ngày 20/4/2004, tại cuộc họp dân chính Đảng thôn B do ông T trưởng thôn chủ trì (thành phần gồm: Cấp ủy, Ban chỉ huy đội, trưởng, phó ban ngành đoàn thể trong thôn), hội nghị đã thông báo công tác làm đường dân sinh thôn B, nguồn vốn nhà nước và nhân dân cùng làm, trước mắt nhân dân đóng góp 100.000đ/người, thành lập ban giám sát thi công, Hội nghị đề nghị cho thầu diện tích đất kệt, sân bóng cũ thôn B (biên bản họp chỉ có chữ ký ông Nguyễn Hồng M là thư ký cuộc họp và ông Trần Đức T là chủ trì cuộc họp).

Ngày 02/5/2004, tại cuộc họp Ban chỉ huy thôn B do ông Trần Đức T chủ trì, thành phần gồm các ông: Lê Hồng M, Phó thôn, Lê Văn C, Phó thôn, Lê Xuân K, Đội trưởng đội 7, Lê Xuân P, Đội trưởng đội 6, Trần Văn B, kế toán đội 7 triển khai công tác làm đường dân sinh thôn B do ông Hà Văn Đ đứng ra nhận thầu và thi công đã hoàn thành 30% tổng giá trị theo hợp đồng. Do điều kiện thôn B chưa có kinh phí thanh toán cho ông Đ nên Ban chỉ huy thôn B được sự thống nhất của hội nghị nhân dân thôn ủy quyền cho tiến hành thuê thầu đất kẹt nằm tại vị trí còn lại của sân bóng cũ thôn B cho ông Hà Văn Đ (không có biên bản giao đất, ông Đ ký vào biên bản họp với tư cách bên B là bên thuê thầu).

- *Giai đoạn Lê Văn C, Trưởng thôn từ tháng 12/2004 đến tháng 8/2015 chủ trì họp đưa ra chủ trương giao đất sân bóng cho ông Hà Văn Đ để đổi trừ tiền làm đường dân sinh thôn B:*

Ngày 12/4/2005, tại cuộc họp thôn B do Lê Văn C, Trưởng thôn B chủ trì, thành phần gồm có các ông: Trần Văn B, Phó thôn, Lê Tuấn A, Phó thôn, Phạm Văn Đ, Đội trưởng đội sản xuất 6, Lê Văn N, Bí thư chi bộ 4, Lê Hồng M, Đội trưởng đội sản xuất 4, Lê Văn L (tức T), Đội trưởng đội sản xuất 5 và Lê Xuân K, Đội trưởng đội sản xuất 7 thông báo việc làm đường do ông Hà Văn Đ ứng 100% vốn, đến nay công trình đã hoàn thành được hơn 80% dự toán. Hội nghị đã thống nhất: Do điều kiện thôn không có tiền mặt để chi trả cho ông Hà Văn Đ theo hợp đồng đã ký làm đường dân sinh, nên nhất trí chủ trương trả cho ông Đ số đất kẹt thuộc sân bóng cũ để đổi trừ tiền ông Đ thi công công trình đường dân sinh thôn B, giá đất tính bằng giá nhà nước quy định. Hội nghị cùng ông Hà Văn Đ thông qua văn bản trên, hai bên hoàn toàn thống nhất không có ý kiến thắc mắc (không có biên bản giao đất, ông Đ ký vào biên bản họp với tư cách bên B là bên nhận đất đổi trừ).

Ngày 07/10/2006, tại cuộc họp Ban chỉ huy thôn B do Lê Văn C chủ trì (thành phần gồm các ông: Lê Hồng M, Trần Văn B, Phạm Văn Đ, Lê Văn N, Lê Xuân K, Lê Văn T) đã nêu trị giá tiền do ông Đ thi công đường dân sinh thôn B theo hồ sơ dự toán thiết kế là 10.450.706.710 đồng, hiện hợp đồng xây dựng đã kết thúc. Căn cứ vào các cuộc họp trước đó (ngày 02/5/2004, 12/4/2005 và hội nghị nhân dân của 04 đội) thống nhất chi trả cho ông Hà Văn Đ số diện tích đất kẹt của thôn B, hội nghị kiến nghị Hội đồng nhân dân xã C, Ủy ban nhân dân xã C, Ủy ban nhân dân Huyện A cho thôn B được xử lý khu sân bóng cũ thôn B để lấy tiền trả cho ông Đ. Tuy nhiên Lê Văn C và các cá nhân liên quan không báo cáo gì với Hội đồng nhân dân xã C, Ủy ban nhân dân xã C, Ủy ban nhân dân Huyện A về việc xin xử lý khu sân bóng cũ thôn B để lấy tiền trả cho ông Đ.

Tuy ông Trần Đức T và Lê Văn C trong thời kỳ làm trưởng thôn đã tổ chức các cuộc họp thôn đưa ra chủ trương giao thầu đất, chủ trương giao diện tích đất sân bóng đất để đổi trừ tiền làm đường cho ông Hà Văn Đ nhưng chưa tổ chức đo đạc thực tế và chưa bàn giao đất, không có biên bản giao đất, chưa thu tiền từ việc giao đất, chưa quyết toán cụ thể số tiền làm đường.

Hơn nữa trong Hợp đồng kinh tế số 07 ngày 25/02/2003 đã ký giữa BLĐ thôn B đại diện ông Trần Đức T- trưởng thôn với Công ty TNHH xây dựng và thương mại Bắc Thăng Long không ghi cụ thể giá trị tiền làm đường, chưa định giá trị 1774,4m² là bao nhiêu tiền để làm căn cứ đổi trừ, đất sân bóng do vậy UBND xã C vẫn quản lý. Đến năm 2007 UBND xã C chọn sân bóng cũ để xây dựng chợ tạm. Ngày 11/7/2007, UBND xã C đã ký hợp đồng kinh tế số 15/HĐ-KT với Công ty cổ

phần liên doanh thương mại xây dựng Miền Bắc (MST 0101784826, địa chỉ: Thôn B, xã C, Huyện A, Hà Nội) để tiến hành thi công xây dựng chợ tạm thôn B tại vị trí sân bóng cũ do ông Hà Văn Đ- phó giám đốc Công ty cổ phần liên doanh thương mại xây dựng Miền Bắc trực tiếp theo dõi thi công công trình. Ngày 14/7/2007, UBND xã C bàn giao mốc giới khu đất sân bóng cũ để ông Đ thi công xây dựng. Ngày 15/11/2008, UBND xã C ra thông báo số 11/UBND v/v bàn giao chợ tạm thôn B cho ông Hà Văn Đ quản lý. Ngày 17/11/2008, UBND xã C bàn giao cho ông Đ quản lý, khai thác chợ tạm. Đến năm 2010 di chuyển chợ tạm ra vị trí khác, khi tháo dỡ do ông Đ không có chỗ ở nên vẫn ở trong 02 dãy nhà cấp 4 cho đến nay.

Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được không đủ cơ sở kết luận ông Trần Đức T, bị can C và những người liên quan có hành vi giao đất sân bóng cũ trái thẩm quyền, cho ông Hà Văn Đ (chỉ hợp đưa ra chủ trương, chưa bàn giao đất cụ thể) do đó không đủ căn cứ để xem xét áp dụng xử lý hình sự đối với Trần Đức T, Lê Văn C và các trường hợp liên quan đối với khu đất sân bóng nêu trên. Đối với ông Trần Đức T (Nguyên trưởng thôn B, Hiện nay là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã C), ngày 08/12/2017, Cơ quan CSĐT- Công an Huyện A có công văn số: 10/BC-CSĐT(KT) đề nghị Huyện ủy huyện A và công văn số: 11/BC-CSĐT(KT) đề nghị UBND Huyện A xem xét xử lý về đảng và về chính quyền đối với ông T theo thẩm quyền.

* Đối với các ông: Trần Văn B (SN 1959, nguyên phó thôn B), Lê Văn L (tên gọi khác là T, SN 1961, nguyên Đội trưởng đội sản xuất 5), Lê Hồng M (SN 1959, nguyên Đội trưởng đội sản xuất 4), Phạm Văn Đ (SN 1956, nguyên Đội trưởng đội sản xuất 6), Lê Xuân K (SN 1958, nguyên bí thư chi bộ 7), Lê Tuấn A (Nguyên phó thôn B) và Lê Văn N (SN 1971, nguyên bí thư cho bộ 4), là những người tham gia cuộc họp do bị can C chủ trì đã ký trong biên bản giao đất cho Hà Văn L theo sự chỉ đạo của bị can C cho đủ thành phần, không có ý chí phát biểu, không vì tư lợi, không có dấu hiệu đồng phạm với bị can C. Hơn nữa về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự “Mười năm đối với các tội phạm nghiêm trọng” tính đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý về mặt hình sự. Ngày 08/12/2017, Cơ quan CSĐT- Công an Huyện A có công văn đề nghị Đảng ủy xã C, Ủy ban nhân dân xã C xem xét xử lý theo thẩm quyền.

* Đối với ông Nguyễn Chiến T (nguyên bí thư chi bộ 6, hiện giữ chức vụ chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C) không tham gia họp, có tên trong biên bản họp giao đất, không ký biên bản giao đất, không tham gia giao đất cho ông L, ông C và ông L, không xác định có dấu hiệu sai phạm nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

* Đối với đối với: Lê Văn T, ông Lê Văn C, ông Hà Văn L, ông Nguyễn Thành C, ông Hà Văn Đ là những người nhận chuyển nhượng và đang sử dụng đất, đã vi phạm hành chính trong lĩnh vực sử dụng đất đai. Sau khi cơ quan điều tra khởi tố vụ án, ngày 07/8/2017, Ủy ban nhân dân xã C đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tự ý chuyển đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép (theo điểm a, khoản 1, điều 9 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai)

* Đối với số tiền 420.000.000 đồng thu từ tiền bán đất cho ông Hà Văn L, ông Lê Văn C và ông Lê Văn L, ngay sau khi thu tiền Lê Văn C đã chỉ đạo chi hết 420.000.000 đồng cho ông Hà Văn Đ để làm đường dân sinh thôn B. Quá trình

điều tra không phát hiện dấu hiệu tư lợi khi sử dụng số tiền trên do đó không đề cập xử lý.

* Đối với việc xây dựng công trình đường dân sinh thôn B chưa xác định dấu hiệu vi phạm nên không tiến hành điều tra.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn C khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn C, ông Hà Văn L, ông Nguyễn Thành C, ông Lê Văn T đều có lời khai đề nghị được tiếp tục sử dụng đất đã mua của thôn B do Lê Văn C thay mặt thôn bán và không có ý kiến gì về số tiền đã bỏ ra để mua các thửa đất đó.

Tại cáo trạng số 08/VKS-HS ngày 24 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân Huyện A, thành phố Hà Nội đã truy tố Lê Văn C về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo điểm b khoản 2 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện A giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Lê Văn C với mức án tù 04 đến 04 năm 06 tháng tù.

Cấm Lê Văn C đảm nhiệm chức vụ từ 02 đến 03 năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1} Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an Huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định, hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2} Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân Huyện A đã ra Quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát nhân dân Huyện A để bổ sung những vấn đề sau: Bổ sung Quyết định thành lập Hội đồng định giá tài sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền với Hội đồng định giá gồm thành phần là đại diện các phòng chuyên môn: Phòng tài chính, phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Quản lý trật tự xây dựng đô thị. Tiến hành định giá giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm năm 2004, 2005 theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội. Từ đó xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự về hành vi Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ trong việc giao 1774,4 m² đất phi nông nghiệp tại thửa đất số 85, tờ bản số 3 thôn B, xã C đối với Lê Văn C, Trần Đức T, Lê Xuân K, Trần Văn B, Lê Hồng M, Lê Tuấn A, Lê Văn N, Lê Văn L, Phạm Văn Đ, Lê Xuân

P. Sau khi có văn bản trả lời của Hội đồng định giá tài sản, Viện kiểm sát nhân dân Huyện A giữ nguyên quan điểm truy tố Lê Văn C như bản cáo trạng số 08/VKS-HS ngày 24 tháng 01 năm 2018. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ tiến hành xét xử đối với bị cáo Lê Văn C theo quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Huyện A.

Tại phiên toà bị cáo Lê Văn C khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Do đó xác định được: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2004 đến năm 2015, Lê Văn C giữ chức vụ trưởng thôn B, xã C, Huyện A, Hà Nội vì động cơ cá nhân đã làm trái công vụ, ba lần bán trái thẩm quyền 03 thửa đất nương đường (đất phi nông nghiệp) cho các hộ gia đình ông Hà Văn L 50 m² tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 7, ông Lê Văn C 92 m² tại thửa đất số 8 và thửa số 28, tờ bản đồ số 14, Lê Văn L 82 m² tại thửa đất số 8 và thửa số 28, tờ bản đồ số 14, với tổng diện tích là 224 m² (Hợp thức việc bán đất bằng biên bản giao thầu đất kết không ghi thời hạn sử dụng) thu 420.000.000 đồng để trả tiền làm đường dân sinh trong thôn. Biết rõ số diện tích đất trên là đất phi nông nghiệp dùng làm đường nương do Ủy ban nhân dân xã C quản lý nhưng Lê Văn C vẫn nhiều lần viết giấy bán nhiều thửa đất cho các hộ gia đình, dẫn đến hậu quả các gia đình mua đất đã xây nhà kiên cố ở ổn định hàng chục năm nay. Như vậy, có đủ cơ sở xác định vì động cơ cá nhân Lê Văn C đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao thực hiện các hành vi trái công vụ gây thiệt hại 224 m² đất thuộc loại đất phi nông nghiệp do Ủy ban nhân dân xã C quản lý.

Căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 thì tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ quy định tại Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 so với tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ quy định tại Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 là bằng nhau nên Viện kiểm sát nhân dân Huyện A truy tố Lê Văn C về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Vì vậy, đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Văn C phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, tội và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999, điều khoản này quy định hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, uy tín của Ủy ban nhân dân xã C trong việc quản lý đất đai tại địa phương, làm ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích hợp pháp của công dân, gây thiệt hại và khó khăn trong việc thu hồi và khôi phục lại tình trạng diện tích đất ban đầu. Mặt khác còn gây ảnh hưởng xấu trong dư luận quần chúng nhân dân về việc thực hiện đường lối của Nhà nước về chính sách đất đai và công tác quản lý trật tự xây dựng, ảnh hưởng về uy tín của cán bộ lãnh đạo tại địa phương.

Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Song do coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố tình phạm tội. Chính vì vậy cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

{2.1} Về nhân thân và tình tiết tăng nặng: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng.

{2.2} Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong quá trình công tác bị cáo nhiều năm liền được tặng Giấy khen trong phong trào thi đua quyết thắng, phong trào xây dựng nông thôn mới, phong trào nông dân; được công an thành phố Hà Nội và Ủy ban nhân dân Huyện A tặng giấy khen vì đã có thành tích trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; được tặng kỷ niệm chương vì giai cấp nông dân Việt Nam và kỷ niệm chương trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và công tác trên biên giới phía Bắc Tổ quốc, có thời gian phục vụ trong quân đội và được tặng Giấy khen. Đó là những tình tiết để giảm nhẹ một phần hình phạt và chiếu cố cho bị cáo được hưởng một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

{3} Về phân bồi thường dân sự: Cơ quan điều tra không chứng minh được bị cáo thu lời bất chính nên không buộc bị cáo phải có trách nhiệm nộp lại số tiền đã thu của các hộ gia đình.

Đối với số tiền 420.000.000 đồng các hộ gia đình ông Hà Văn L, ông Lê Văn C, ông Lê Văn L nộp cho chính quyền thôn thì thấy: số tiền này là giao dịch bị pháp luật cấm, lẽ ra cần truy thu để sung công Nhà nước nhưng thực tế chính quyền thôn đã chi trả hết cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng của thôn B, xã C nên không còn truy thu.

Đối với số tiền giao dịch trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn L với vợ chồng ông Nguyễn Thành C và ông Lê Văn T thì các bên có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

{4} Về biện pháp tư pháp: Đối với các thửa đất bán trái thẩm quyền là vi phạm Luật đất đai, cần kiến nghị Ủy ban nhân dân Huyện A thu hồi theo quy định của pháp luật.

{5} Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung công quỹ Nhà nước.

{6} Về quyền kháng cáo: Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Lê Văn C** phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: **Lê Văn C 04 (Bốn)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 9 năm 2017.

Căn cứ Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân Huyện A, Hà Nội thu hồi diện tích đất Lê Văn C bán trái thẩm quyền gồm:

+ 50m² đất bán cho ông Hà Văn L tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 7 thôn B, xã C, huyện A, Hà Nội (Hiện gia đình ông Hà Văn L đang sử dụng).

+ 92m² đất bán cho ông Lê Văn C tại thửa đất số 8 và thửa số 28, tờ bản đồ số 14, thôn B, xã C, huyện A, Hà Nội (Hiện gia đình ông Lê Văn C đang sử dụng).

+ 82m² đất bán cho Lê Văn L tại thửa đất số 8 và thửa số 28, tờ bản đồ số 14, thôn B, xã C, huyện A, Hà Nội (Hiện gia đình ông Nguyễn Thành C và gia đình ông Lê Văn T đang sử dụng).

- Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự cho vợ chồng ông Nguyễn Thành C và vợ chồng ông Lê Văn T đối với ông Lê Văn L về số tiền giao dịch trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất khi có yêu cầu.

- Bị cáo Lê Văn C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai, sơ thẩm. Bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền nghĩa vụ của mình.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- VKSND Huyện A.
- Những người tham gia tố tụng.
- Công an Huyện A.
- Lưu hồ sơ

Đỗ Thị Vân